

Bản án số: **20/2025/DS - ST**

Ngày: 28/7/2025

V/v tranh chấp: *Hợp đồng vay tài sản
và Hợp đồng thuê xe mô tô*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Thái Mỹ Nhung**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Nguyễn Thanh Tùng**.

2/ Ông **Nguyễn Vũ Hải Đăng**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Hạnh Nhung**, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ.

Ngày 28 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 174/2025/TLST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2025 về “*tranh chấp Hợp đồng vay tài sản và Hợp đồng thuê xe mô tô*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **33/2025/QĐXX-ST ngày 11 tháng 7 năm 2025**. Giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: CÔNG TY CỔ PHẦN SAWAD TIỀN CÓ NGAY**

Trụ sở: 128, N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An. (Nay là 128, N, phường T, tỉnh Nghệ An)

Người đại diện theo pháp luật: Ông **KANOKWATPAISAL NAPAT**

Chức vụ: Giám đốc (Văn bản thỏa thuận ngày 28/3/2024)

Đại diện theo ủy quyền: ông **Phạm Văn K**

Chức vụ: Nhân viên (SĐT 0332 058 397; 0931 832 559)

Địa chỉ liên hệ: số H, đường C, phường H, Quận N, TP Cần Thơ. (Nay là số H, đường C, phường T, TP Cần Thơ). (Theo Giấy ủy quyền số: 1991/2024/UQ/SVN ngày 01/9/2024). Có mặt.

*** Bị đơn: Ông Trần Minh V**, sinh năm 1973

Địa chỉ: 3, Khu V Y, Phường L, Quận C, TP Cần Thơ. Nay là 33/9, Khu vực Y, Phường C, TP Cần Thơ. (SĐT 0799 533 000). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 05/3/2025 nguyên đơn **Công Ty Cổ Phần S Có Ngay** trình bày: Công ty Cổ phần S (Viết tắt Công ty S1) và ông Trần Minh V có ký kết Hợp đồng cầm cố ngày 24/5/2023, nội dung ông Trần Minh V cầm cố chiếc xe

nhãn hiệu HONDA, loại AIRBLADE, biển số 65B2-718.48 do ông V đứng tên với giá 31.900.000 đồng, thời hạn 18 tháng từ ngày 24/5/2023 đến 24/11/2024. Cùng ngày hai bên tiếp tục ký Giấy mượn xe, nội dung ông Trần Minh V mượn lại chính chiếc xe nhãn hiệu HONDA loại AIRBLADE, biển số 65B2-718.48, thời hạn 30 ngày, với giá phí mượn xe là 957.000 đồng/tháng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Trần Minh V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho công ty. Căn cứ theo các thoả thuận mà các bên đã ký kết, nay Công ty S1 khởi kiện yêu cầu ông Trần Minh V thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty với tổng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 05/4/2025 là **73.497.343** đồng. Trong đó, vốn gốc là 31.900.000 đồng, lãi trong hạn 5.066.575 đồng, nợ lãi quá hạn là 19.304.768 đồng và phí mượn xe là 17.226.000 đồng. Công ty còn yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh theo quy định của hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe đã ký đến khi ông V trả dứt nợ cho Công ty.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần bị đơn Trần Minh V đến tham gia phiên họp về việc kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cụ thể vào ngày 30/5/2025 và 24/6/2025, nhưng ông V vắng mặt mà không có lý do. Đại diện nguyên đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải mà đưa vụ kiện ra xét xử để không kéo dài thời gian (BL 57, 64). Vì vậy, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và được đưa ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ngày 11/7/2025 và hôm nay bị đơn vẫn cố tình vắng mặt không rõ lý do. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu ông Trần Minh V thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty với tổng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 28/7/2025 là **70.076.325** đồng. Trong đó, vốn gốc là 31.900.000 đồng, lãi trong hạn 350.900 đồng, nợ lãi quá hạn là 13.421.925 đồng và phí mượn xe là 24.403.500 đồng. Nguyên đơn còn yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh theo quy định cho đến khi ông V hoàn thành xong nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn.

Sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Mặc dù sự thỏa thuận và giao dịch giữa các bên đương sự được lập bằng văn bản với hình thức là Hợp đồng cầm cố ngày 24/5/2023 và Giấy mượn xe ngày 24/5/2023. Nhưng nội dung không phải cầm cố mà là nguyên đơn cho bị đơn vay tiền có nhận tài sản đảm bảo là xe mô tô và cho bị đơn thuê lại chính tài sản nhận đảm bảo. Do bên vay và thuê tài sản không thực hiện đúng thỏa thuận nên xảy ra tranh chấp. Xét đây là quan hệ tranh chấp Hợp đồng vay tài sản và Hợp đồng thuê xe mô tô được ngành luật dân sự điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án khi các đương sự có yêu cầu theo qui định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Trần Minh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa, nhưng ông V vẫn

vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*: căn cứ Hợp đồng cầm cố ngày 24/5/2023 giữa Công ty S1 với ông Trần Minh V do nguyên đơn cung cấp, có chữ ký của cả hai bên (BL 8-9), theo đó ông V cầm cố chiếc xe nhãn hiệu HONDA, loại AIRBLADE, biển số 65B2-718.48 do ông đứng tên để đảm bảo cho số tiền gốc đã vay của Công ty S1 là **31.900.000 đồng** (Ba mươi một triệu, chín trăm nghìn đồng), thời hạn 18 tháng từ ngày 24/5/2023 đến 24/11/2024. Căn cứ các thỏa thuận trong hợp đồng thì Lãi suất cho vay là 1,1%/tháng, Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; Nên xem đây là trường hợp vay có kỳ hạn và có lãi theo Điều 463, 470 của Bộ luật dân sự. Trường hợp này xác định rõ lãi suất và phù hợp với qui định tại Điều 468 Bộ luật dân sự nên chấp nhận.

Căn cứ theo Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự và Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 thì bên cho vay có quyền yêu cầu bên vay trả các khoản lãi bao gồm: Lãi trên nợ gốc trong hạn (tức **18 tháng** từ ngày 24/5/2023 đến 24/11/2024), lãi trên nợ lãi trong hạn (không yêu cầu) và Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn (Từ ngày hết hạn vay tiền 25/11/2024 đến ngày xét xử 28/7/2025 là **08 tháng 03 ngày**). Nên tiền lãi được tính cụ thể như sau:

Lãi trên nợ gốc trong hạn: $31.900.000 \text{ đồng} \times 1,1\%/\text{tháng} \times 18 \text{ tháng} = 6.316.200 \text{ đồng}$.

Lãi trên nợ gốc quá hạn: $31.900.000 \text{ đồng} \times 1,1\%/\text{tháng} \times 150\% \times 08 \text{ tháng } 03 \text{ ngày} = 4.263.430 \text{ đồng}$.

Nên số tiền lãi mà bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là **10.579.630 đồng** (Mười triệu, năm trăm bảy mươi chín nghìn, sáu trăm ba mươi đồng).

[4] Căn cứ Giấy mượn xe ngày 24/5/2023 giữa Công ty S1 với ông Trần Minh V do nguyên đơn cung cấp, có chữ ký của cả hai bên (BL 4-5) thì ông Trần Minh V thuê xe nhãn hiệu HONDA loại AIRBLADE, biển số 65B2-718.48, thời hạn 30 ngày từ 24/5/2023 đến 24/6/2023, với phí thuê xe là 957.000 đồng/tháng. Đồng thời có thỏa thuận “Quá thời hạn mượn nêu trên mà không trả xe về cho chi nhánh thì vẫn chịu phí nêu trong thỏa thuận này”. Căn cứ qui định về Hợp đồng thuê tài sản và việc trả tiền thuê tại Điều 472 và Điều 481 Bộ luật dân sự, thì phí mượn (tức tiền thuê xe) được tính từ ngày 24/5/2023 đến ngày xét xử 28/7/2025 là **26 tháng 04 ngày**. Nên tiền thuê xe được tính cụ thể như sau: $957.000 \text{ đồng/tháng} \times 26 \text{ tháng } 04 \text{ ngày} = 25.009.600 \text{ đồng} (Hai mươi lăm triệu, không trăm lẻ chín nghìn, sáu trăm đồng).$

[5] Bị đơn đã được nhận tiền vay và nhận tài sản thuê là xe mô tô nhưng lại không chịu thực hiện nghĩa vụ trả tiền vốn, lãi và phí thuê xe theo Hợp đồng; cố tình né tránh nghĩa vụ trả nợ. Theo xác nhận của Công an phường L ngày 28/6/2024 thì ông Trần Minh V có đăng ký thường trú và hiện vẫn đang sinh sống tại địa phương. Thậm chí, Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần ông Trần Minh V đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông Trần Minh V vẫn vắng mặt mà không có lý do. Do không tổng đạt trực tiếp được các văn bản tố tụng nên Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho ông Trần Minh V vào các ngày 14/5/2025 và ngày 30/5/2025 (BL 53-56, 60-63). Nhưng ông V vẫn

không liên hệ với Tòa án để giải quyết vụ kiện, cố tình lẩn tránh. Coi như bị đơn đã tự tước bỏ quyền tham gia tố tụng của mình và mặc nhiên chấp nhận toàn bộ lời trình bày của phía nguyên đơn.

[6] Từ các phân tích trên, xét thấy nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả nợ gốc, nợ lãi và phí thuê xe là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên, tổng số tiền mà bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn là vốn gốc 31.900.000 đồng + lãi trong hạn 6.316.200 đồng + lãi quá hạn 4.263.430 đồng + phí thuê xe 25.009.600 đồng = **67.489.230 đồng** (Sáu mươi bảy triệu, bốn trăm tám mươi chín nghìn, hai trăm ba mươi đồng).

[7] Thời hạn và phương thức trả nợ thuộc thẩm quyền của Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 – Cần Thơ nên Hội đồng xét xử không điều chỉnh. Tuy nhiên, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[8] Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc trả lại cho bị đơn bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 022790 do Công an thành phố C cấp ngày 15/3/2022 do Trần Minh V đứng tên, sau khi bị đơn thanh toán hết nợ.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí trên phần nghĩa vụ phải thực hiện là 5%(67.489.230 đồng) = **3.375.000 đồng** (Ba triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Nguyên đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận là (70.076.325 đồng - 67.489.230 đồng) = 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 26, 35, 39, 147, 180, **227, 228**, 264, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Điều 463, 466, 468 và 470, Điều 472 và Điều 481 Bộ luật dân sự;
- Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.
- Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số qui định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Công Ty Cổ Phần S Có Ngay**. Buộc bị đơn **Trần Minh V** có nghĩa vụ trả cho **Công Ty Cổ Phần S Có Ngay** số tiền là **67.489.230 đồng** (Sáu mươi bảy triệu, bốn trăm tám mươi chín nghìn, hai trăm ba mươi đồng), trong đó nợ gốc là 31.900.000 đồng (Ba mươi một triệu, chín trăm nghìn đồng) và nợ lãi đến ngày 28/7/2025 là 10.579.630 đồng (Mười triệu, năm trăm bảy mươi chín nghìn, sáu trăm ba mươi đồng) và phí thuê xe 25.009.600 đồng (Hai mươi lăm triệu, không trăm lẻ chín nghìn, sáu trăm đồng) khi án có hiệu lực.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

2/ Ghi nhận sự tự nguyện của Công Ty Cổ Phần S Có Ngay về việc trả lại cho ông Trần Minh V bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 022790 do Công an thành phố C cấp ngày 15/3/2022, sau khi bị đơn thanh toán hết nợ.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn Công Ty Cổ Phần S Có Ngay phải chịu **300.000 đồng** (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.837.000 đồng (Một triệu, tám trăm ba mươi bảy nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0001545 ngày 29 tháng 4 năm 2025 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Cái Răng (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 – Cần Thơ). Nguyên đơn được nhận lại 1.537.000 đồng (Một triệu, năm trăm ba mươi bảy nghìn đồng).

- Bị đơn ông Trần Minh V phải chịu **3.375.000 đồng** (Ba triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3/ Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo và kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở UBND phường nơi cư trú hoặc từ khi nhận được bản án ông **Trần Minh V** được quyền kháng cáo để xin Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận

- TAND. TP Cần Thơ.
- VKSND KV3 – Cần Thơ.
- Cơ quan Thi hành án.
- Người TGT.
- Lưu HS – BA Thái Mỹ Nhung

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Thái Mỹ Nhung